TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 318/2023/DS-PT
Ngày 31/5/2023
V/v: Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Dương Tuấn Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 về *"Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Do Bản án dân sự sơ thẩm 62/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022, của Toà án nhân dân tỉnh Long An, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1060/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Hoa Đ, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: Ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ: Ông Đoàn Thiện Đ1, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: đường X, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 13/12/2018) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Công Đ2, sinh năm 1969. Địa chỉ cư trú: khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Văn T , sinh năm 1942 (có mặt);

2. Bà Lê Thị N, sinh năm 1946 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

3. Bà Lê Ngọc B, sinh năm 1972. Địa chỉ cư trú: Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An (Có mặt).

4. Bà Ngô Thị Hoa T1, sinh năm 1949. Địa chỉ cư trú: Ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

5. Bà Lê Thị R, sinh năm 1934 (vắng mặt);

6. Ông Ngô Hoàng N1, sinh năm 1974 (vắng mặt);

7. Ông Ngô Trung H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

8. Ông Ngô Thành T3, sinh năm 1976. Địa chỉ cư trú: Ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

9. Bà Ngô Thị Hoa L, sinh năm 1958. Địa chỉ cư trú: ấp BH, xã Tân Phú, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

10. Ông Ngô Tấn T4, sinh năm 1960. Địa chỉ cư trú: xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

11. Ông Ngô Hoàng A, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Khu phố 2, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh Long An (có mặt).

12. Bà Ngô Thị Hoa L1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp M2, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

13. Bà Ngô Thị Hoa L2, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: ấp TL, xã MB, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

14. Bà Ngô Thị Hoa L3 (tên thường gọi Ngô Thị Hoa L3), sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: đường Quốc lộ K, khu phố P, Phường R, thành phố T, tỉnh Long An (vắng mặt).

15. Bà Ngô Thị Hoa L4, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: ấp GL, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

16. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị Hoa Đ; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Ngô Thị Hoa T1 và ông Ngô Hoàng A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, Đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 22/8/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngô Thị Hoa Đ và ông Đoàn Thiện Đ1 là người đại diện theo ủy quyền cho bà Ngô Thị Hoa Đ trình bày:

Cụ Ngô Văn T6 (chết năm 1980) và cụ Trần Thị T7 (chết năm 1996) sinh được tất cả 06 người con gồm: ông Ngô Văn B1, ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị Hoa T1, bà Ngô Thị Hoa Đ, bà Ngô Thị Đ2 và ông Ngô Văn T5. Ông B1 chết năm

1977, trước khi chết có vợ là bà Lê Thị R, ông B1 và bà R có 11 người con là bà Ngô Thị Hoa L, ông Ngô Tấn T4, ông Ngô Hoàng A, bà Ngô Thị Hoa L1, bà Ngô Thị Hoa L3 (sinh năm 1966, địa chỉ: đường Quốc lộ K, khu phố P, Phường R, thành phố T, tên thường gọi Ngô Thị Hoa L3), bà Ngô Thị Hoa L2 (sinh năm 1966, địa chỉ: ấp TL, xã MB, huyện Đ), bà Ngô Thị Hoa L4, ông Ngô Hoàng N1, ông Ngô Thành T3, ông Ngô Trung H và ông Ngô Hoàng N2 (chết, không có vợ con). Bà Đ2 chết khi chưa có chồng con, ông T5 chết khi chưa có vợ, con. Ngoài ra, cụ T6 và cụ T7 không còn con nuôi, con riêng nào khác. Cụ T6 và cụ T7 chết, không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ T6 và cụ T7 tạo lập được khối tài sản là các thửa đất 146, 147, 175, 194, 195, cùng tờ bản đồ số 12, tại ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An. Trước khi chết, cụ T6 và cụ T7 đã phân chia đất cho các con như sau: Ông Ngô Văn B1 được chia thửa 147, diện tích 2.473m^2; bà Ngô Thị Hoa T1 được chia thửa 175, diện tích 1.342m^2; ông Ngô Văn T được chia thửa 194 và 195, diện tích 3.178m^2, bà Ngô Thị Hoa Đ được chia thửa 146, diện tích 2.782m^2 (tất cả đều chia bằng lời nói). Ông B1, bà T1 và ông T đã nhận đất canh tác và tự kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCN QSDĐ). Riêng đối với thửa 146 của bà Đ, do không có nước, nên bà chưa canh tác, sau này, bà để cho ông T tạm canh tác để nuôi mẹ già.

Bà Đ thấy rằng thửa đất 146 là tài sản của cụ T6, cụ T7 (cha mẹ của bà). Cụ T6, cụ T7 chết không để lại di chúc. Mặc dù khi còn sống, bà Đ đã được tặng cho thửa đất này, nhưng bà Đ chưa kê khai cấp GCN QSDĐ, nên vẫn là tài sản của cụ T6, cụ T7, là di sản thừa kế chưa chia. Tuy nhiên, năm 1998 ông Ngô Văn T tự ý cho con trai là ông Ngô Công Đ2 đăng ký và ông Đ2 được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện Đ cấp GCN QSDĐ số vào sổ 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998 đối với thửa 146, tờ bản đồ 12, tại ấp M1, xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An, mà không thông báo cho bà Đ được biết. Nhận thấy, ông Đ2 là cháu, không thuộc hàng thừa kế của cụ T6, cụ T7 nhưng đăng ký kê khai và được cấp GCN QSDĐ, là không đúng với quy định của pháp luật. Bà Đ đã nhiều lần yêu cầu ông T và ông Đ2 trả lại đất cho bà Đ, nhưng ông T và ông Đ2 không đồng ý. Tại Biên bản hòa giải ngày 27/12/2018 của UBND xã MN, ông T và ông Đ2 thừa nhận phần đất tranh chấp trên là của cụ T6, cụ T7 để lại, nhưng không đồng ý trả lại cho bà Đ, nên hòa giải không thành.

Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019; Chứng thư thẩm định giá số 213/03/08/2022/TĐG LA-BĐS ngày 03/8/2022 của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Tư vấn HĐ, bà Ngô Thị Hoa Đ khởi kiện yêu cầu:

- Hủy GCN QSDĐ số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998 do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ T6, cụ T7 là thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12 tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn

2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019). Bà Đ yêu cầu được chia toàn bộ thửa đất 146.

Trường hợp Tòa án xác định phải chia di sản thừa kế theo pháp luật cho anh em của bà Đ, thì bà Đ yêu cầu Tòa án xem xét chia cho: ông Ngô Văn B1 (chết năm 1977 do bệnh), ông Ngô Văn T, bà Ngô Thị Hoa T1, bà Ngô Thị Hoa Đ, mỗi người một kỷ phần bằng nhau và không chia cho ông Đ2, do ông Đ2 không phải người thừa kế của cụ T6 và cụ T7. Những người thừa kế của ông B1 (ngoại trừ ông Ngô Hoàng A), không có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với kỷ phần thừa kế thế vị, nên đề nghị Tòa án chia cho Ông A được hưởng 1/10 kỷ phần thừa kế của ông B1, 09/10 kỷ phần thừa kế còn lại của ông B1 vẫn là di sản của cụ T6, cụ T7, tiếp tục chia đều cho 03 người là: ông T, bà T1 và Đ. Cụ thể: chia cho bà Đ, ông T, bà T1, mỗi người nhận một kỷ phần bằng nhau, trị giá là 3.281.416.775 đồng; chia cho Ông A một kỷ phần trị giá là 252.416.675 đồng. Bà Đ yêu cầu phân chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất.

Ông Đ2 không trực tiếp canh tác và tôn tạo đất nên không được đền bù giá trị phần công sức đóng góp, khi chia thừa kế theo pháp luật. Ngoài ra, bà Đ không yêu cầu giải quyết gì đối với các tài sản khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, bà Ngô Thị Hoa T1 trình bày:

Bà là con của cụ T6 và cụ T7. Bà thống nhất với lời trình bày của bà Đ về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ T6, cụ T7.

Trước khi chết, cụ T6 và cụ T7 đã chia cho bà Đ thửa đất số 146, nhưng bà Đ chưa kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên vẫn là di sản thừa kế của cụ T6, cụ T7. Việc ông Đ2 kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ T6, cụ T7, là không đúng quy định pháp luật.

Nay, bà T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 146, như cách yêu cầu chia thừa kế của bà Đ. Cụ thể: chia cho Ông A 1/10 kỷ phần của ông B1, chia cho ông T 01 kỷ phần, chia cho bà Đ 01 kỷ phần và chia cho bà T1 01 kỷ phần; 09/10 kỷ phần thừa kế còn lại của ông B1 vẫn là di sản của cụ T6, cụ T7, tiếp tục chia đều cho 03 người là: ông T, bà T1 và bà Đ. Như vậy, tính theo giá trị kỷ phần, thì bà yêu cầu chia cho bà Đ, ông T, bà T1 mỗi người nhận một kỷ phần bằng nhau trị giá là 3.281.416.775 đồng; chia cho Ông A một phần trị giá là 252.416.675 đồng. Bà T1 yêu cầu phân chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất. Đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Ngô Công Đ2, đối với thửa đất số 146 này. Ngoài ra, không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, ông Ngô Hoàng A trình bày:

Ông A là con của ông Ngô Văn B1 và bà Lê Thị R. Ông thống nhất với lời trình bày của bà Đ hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ T6, cụ T7, cũng như hàng thừa kế của ông B1.

Khi ông B1 còn sống, Ông A có nghe ông B1 kể là cụ T6, cụ T7 đã cho bà Đ thửa đất số 146, việc tặng cho chỉ bằng lời nói, không lập thành văn bản. Mặc dù bà Đ được cho đất nhưng vẫn cho ông T canh tác, để nuôi cụ T6 và cụ T7, chứ không trực tiếp canh tác, và chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau này, ông Đ2 là con của ông T đăng ký, và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về quá trình sử dụng đất: ông thấy, khoảng năm 1992, do thấy đất bị bỏ hoang, nên ông Ngô Hoàng N1 (là em ruột của Ông A) trồng bắp, trồng đậu, trên thửa đất này; sau đó ông Ngô Thanh T8 (anh ruột của ông Đ2) trồng thiên lý, được một mùa, thì không canh tác nữa, và bỏ hoang, đến nay.

Ông A xác định thửa đất số 146, cụ T6, cụ T7 đã tặng cho bà Đ trước khi chết. Tuy nhiên, trường hợp Tòa án phân chia thừa kế theo pháp luật, thì ông yêu cầu chia thừa kế, như cách yêu cầu chia thừa kế của bà Đ. Cu thể, ông yêu cầu được chia 1/10 kỷ phần thừa kế thế vị của ông B1. Cụ thể Ông A yêu cầu chia cho ông một phần thừa kế trị giá là 252.416.675 đồng (1/10 kỷ phần thừa kế thế vị của ông B1), ông yêu cầu được phân chia bằng hiện vật là quyền sử dụng đất, trường hợp phần thừa kế của Ông A không đủ diện tích tách thửa, thì Ông A đồng ý nhận bằng giá trị.

Bị đơn ông Ngô Công Đ2 trình bày:

Ông Đ2 là con của ông Ngô Văn T, cháu nội của cụ T6, cụ T7. Ông Đ2 thống nhất lời trình bày của bà Đ về hàng thừa kế của cụ T6, cụ T7.

Năm 1998, ông Đ2 được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 146, đo đạc thực tế diện tích còn lại là 2.245,7m^2 (theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019). Diện tích có sự thay đổi do mở rộng đường, nhưng không có quyết định thu hồi đất, ông không có ý kiến gì đối với phần đất bị thu hẹp do mở rộng đường.

Thửa đất này, có nguồn gốc của ông bà nội là cụ T6 và cụ T7, khi còn sống ông bà nội đã cho cha ông là Ngô Công T. Ông T đã được cấp bằng khoán trắng (nhưng đã thất lạc chưa tìm thấy). Đến năm 1993, cha mẹ ông cho lại ông. Năm 1998, ông đi kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cụ T6, cụ T7 cho đất ông T, và sau đó ông T cho ông Đ2 chỉ thỏa thuận bằng miệng, không lập thành văn bản, nhưng có xác nhận của những người làm chứng. Cụ thể: Bà Phạm Thị Q (là cháu gọi cụ T6 là ông) xác nhận bà biết cụ T6, cụ T7 chia cho ông T phần đất thửa số 146; ông Ngô Văn C (là người dân ở địa phương sống gần phần đất tranh chấp) có xác nhận ông T được cụ T6, cụ T7 cho 2 phần đất đám lớn và đám dưới mương (là thửa 146) và thấy ông T sử dụng, sau này thì ông Đ2 sử dụng; ông Trương Đình C1 nguyên là trưởng ấp M1, xã MN từ năm

1990 đến tháng 9/2019, xác nhận biết rõ đất của ông T canh tác trên mảnh đất đó (là thửa 146) và cho lại con là Ngô Công Đ2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, những người con của ông B1 (trừ Ông A) đều có lời trình bày xác nhận thửa đất số 146 cụ T6, cụ T7 chia cho ông T. Từ sau khi được tặng cho đất vào năm 1993 đến năm 2002, ông Đ2 sử dụng đất để trồng lúa, tỉa đậu. Từ năm 2002 đến 2010, ông đi làm ăn xa, nên không trực tiếp canh tác, mà cho ông Ngô Hoàng N1 (con của ông B1) thuê để canh tác. Từ năm 2010 đến năm 2013, ông Đ2 lấy lại đất để trồng hoa thiên lý cùng với anh ruột của ông là Ngô Thanh T8. Từ năm 2013, ông không canh tác nữa, nên cho ông N1 thuê canh tác đến nay.

Ông Đ2 xác định mình đã được cha mẹ tặng cho đất, sử dụng đất ổn định từ năm 1990 đến nay, không ai tranh chấp, và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định. Do đó, ông không đồng ý đối với yêu cầu phân chia thừa kế của bà Ngô Thị Hoa Đ, bà Ngô Thị Hoa T1 và ông Ngô Hoàng A. Đồng thời, ông có đơn phản tố yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 146 nói trên.

Trường hợp, Tòa án xác định thửa đất số 146 là tài sản của cụ T6, cụ T7, chưa chia thừa kế, thì ông yêu cầu áp dụng thời hiệu. Do cụ T6 chết năm 1982, đến nay đã gần 40 năm, là hết thời hiệu chia thừa kế, nên ông yêu cầu được nhận di sản thừa kế do cụ T6 để lại là 1/2 thửa đất số 146, phần còn lại thửa đất số 146 chia thành 5 phần, và ông Đ2 yêu cầu được nhận một phần là công sức gìn giữ di sản thừa kế của cụ T7. Do phần diện tích 1/2 thửa đất số 146 chia thành 5 phần, sẽ không đủ diện tích tách thửa, nên ông Đ2 đồng ý nhận các kỷ phần thừa kế của cụ T7 bằng quyền sử dụng đất, và hoàn trả lại giá trị cho các đồng thừa kế theo Chứng thư thẩm định giá số 213/03/08/2022/TĐG LA-BĐS, ngày 03/8/2022 của Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Tư vấn HĐ. Ngoài ra, ông Đ2 không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc B trình bày: Bà là vợ của ông Đ2, thống nhất lời trình bày của ông Đ2. Bà đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Đ về thời điểm chết, thông tin về hàng thừa kế của cụ T6, cụ T7, ông B1.

Trước khi chết, cụ T6 và cụ T7 có tất cả 05 thửa đất ruộng 146, 147, 175, 194, 195, cùng tờ bản đồ số 12 và một phần đất gò diện tích khoản 6.822m^2 tọa lạc tại ấp M1, xã MN, huyện Đ. Khoảng năm 1970, cụ T6, cụ T7 chia đất cho các con như sau: Ông B1 được nhận thửa 147 và khoản 30 cao đất gò. Ông T được chia thửa 194, 195, 146 và 06 rò đậu (khoản 4 cao 6). Bà T1 được chia thửa 175 và không được chia đất gò. Bà Đ không chia đất ruộng chỉ chia 30 cao đất gò. Sau khi được chia đất, các anh em đều sử dụng canh tác đối với phần đất ruộng, còn phần đất gò tất cả các anh em cùng ký bán vào ngày 29/5/2001, chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị Thu Hằng, bà Đoàn Thị Minh Nguyệt với giá 25 lượng vàng. Do ký chuyển nhượng chung toàn thửa, nên anh em tự phân chia theo phần đất của

mình được chia trước đây. Riêng thửa 146 sau khi được cha mẹ cho, thì ông canh tác lúa, đậu từ năm 1973 đến năm 1990 thì cho lại con ông là Ngô Công Đ2 quản lý, sử dụng đến nay, không ai tranh chấp. Ông Đ2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Từ nhỏ đến khi lấy vợ, ông vẫn sống chung với cha mẹ, đến năm 1963 thì cất nhà ở riêng, cách nhà cha mẹ khoảng 3km. Khi cụ T6, cụ T7 còn sống thì vẫn ở nhà, không sống chung con cái, đến khi cụ T6 mất, thì có con ông là Ngô Công Đ2 về sống với cụ T7. Lúc cụ T7 già yếu, thì ông rước cụ T7 về để chăm sóc, đến khi chết.

Ông thống nhất với lời trình bày của ông Đ2, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đ và yêu cầu độc lập của bà T1, Ông A, về việc yêu cầu chia thừa kế phần đất thửa đất số 146, vì phần đất này cha mẹ cho ông, và ông cho ông Đ2 sử dụng ổn định từ trước, đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông T, bà thống nhất lời trình bày của ông T. Nay, bà Đ khởi kiện tranh chấp với ông Đ2 thửa đất số 146, thì bà không đồng ý, vì phần đất này, cụ T6 cụ T7 đã cho vợ chồng bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R trình bày:

Bà là vợ của ông B1, ông B1 đã được cha mẹ chồng bà là cụ T6 và cụ T7 cho đất, nên không có ý kiến gì đối với tranh chấp giữa bà Đ với ông Đ2. Đối với việc cụ T6 cho thửa đất số 146 cho ai thì bà không biết. Bà chỉ nhớ bà Đ lấy đất gò, không lấy đất ruộng, nên được chia nhiều đất gò hơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Tấn T4 trình bày:

Ông là con của ông Ngô Văn B1, ông nghe cha ông nói lại nguồn gốc thửa đất số 146 là của cụ T6 và cụ T7. Khi cụ T6 còn sống, đã cho bà Đ phần đất này, còn bà Đ có sử dụng canh tác trên đất hay không, thì ông không biết, do ông đi làm, không thường xuyên ở nhà. Do phần đất này, bà Đ được cụ T6 cho khi còn sống, nên ông Đ2 phải trả thửa đất số 146 cho bà Đ. Ông không có tranh chấp gì đối với thửa đất số 146, cũng không có yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này. Nếu Tòa án tiến hành chia thừa kế theo pháp luật, thì ông không đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của ông B1. Do ông bận đi làm, nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hoa L2 (địa chỉ: ấp TL, xã MB, huyện Đ) trình bày:

Bà là con của ông Ngô Văn B1 và bà Lê Thị R. Khi còn sống, ông bà nội của bà là cụ T6 và cụ T7 đã chia đất như sau: ông B1 được cho thửa đất số 147, diện tích 2.473m^2; bà T1 được cho thửa đất số 175, diện tích 1.342m^2. Ông T được cho thửa đất số 195, diện tích 3.178m^2 và thửa đất số 146, diện tích 2.782m^2; bà Đ được cho đất gò, diện tích 6.822m^2. Việc cho đất chỉ bằng lời nói, không có lập giấy tờ gì. Bà không có ý kiến gì về việc bà Đ tranh chấp với ông Đ2 đối với thửa đất 146.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hoa L4 trình bày:

Bà là con của ông Ngô Văn B1 và bà Lê Thị R, là cháu nội của cụ T6 và cụ T7. Đối với tranh chấp giữa bà Đ với ông Đ2, thì bà không có ý kiến gì, do ông B1 đã được cụ T6, cụ T7 cho đất. Theo bà được biết, khi cụ T6, cụ T7 còn sống, đã chia đất cho các cô chú của bà, nhưng bà Đ không lấy đất ruộng, mà chỉ lấy đất gò, nên được chia nhiều hơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng N1 trình bày:

Ông là con của ông B1 và bà R, là cháu nội của cụ T6 và cụ T7. Theo ông biết thì cụ T6 và cụ T7 khi còn sống có chia đất cho 04 người con như sau: Ông B1 được chia thửa 147 diện tích 2.473m^2, bà T1 được chia thửa 175 diện tích 1.342m^2, ông T được chia thửa 195 diện tích 3.178m^2 và thửa 146 diện tích 2.782m^2, bà Đ chỉ được chia một phần đám gò (diện tích 6.822m^2) chứ không được chia đất ruộng. Việc chia đất chỉ nói miệng, không có giấy tờ. Phần đất gò diện tích 6.822m^2 được chia cho ông B1 khoảng 3.000m^2 (vì ông B1 con đông và để làm một phần thổ mộ 500m^2); bà Đ do có công khai dỡ, nên được khoảng 2.500m^2, còn lại bà T1 và ông T mỗi người 06 rò đậu (ngang 1,5m x dài 50m x 6 rò khoảng 450m^2). Năm 2001, phần đất gò được ông T, bà T1, bà R, bà Đ đã ký chuyển nhượng cho bà Đoàn Thị Minh Nguyệt, Trần Bích Thủy và chia tiền theo diện tích đất của từng người.

Ông sinh ra,lớn lên, sống gần khu đất tranh chấp, nên biết rất rõ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất này. Thửa đất này, cụ T6 đã tặng cho ông T (cha ông Đ2). Ông T là người trực tiếp canh tác và sử dụng trồng đậu, đến khoảng năm 1992, ông được ông T cho mượn thửa đất này để trồng đậu, trồng bắp, trồng cỏ, đến nay. Theo ông, thửa đất này, ông bà nội chia cho ông T, nên ông T cho con là ông Ngô Công Đ2 đăng ký quyền sử dụng đất, là đúng. Bà Đ tranh chấp thửa đất số 146 với ông Đ2, là không đúng, và ông không có tranh chấp với ông Đ2 đối với thửa đất này. Ông xin được xét xử vắng mặt tại Tòa án các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Hoa L3 (Ngô Thị Hoa L3), bà Ngô Thị Hoa L, bà Ngô Thị Hoa L1, ông Ngô Trung H, ông Ngô Thành T3, có ý kiến trình bày:

Các ông bà không biết việc cụ T6, cụ T7 có cho bà Đ thửa đất số 146 hay không, và các ông bà cũng không có tranh chấp gì đối với phần đất này. Trong trường hợp, Tòa án tiến hành chia thừa kế đối với thửa 146, thì các ông bà không yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế của ông B1. Do bận việc gia đình, nên các ông bà yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ do bà Nguyễn Thị Bé Bi là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Đối với tranh chấp trong vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do bận việc hành chính tại cơ quan nên đề nghị Tòa án cho phép được vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử trong quá trình giải quyết vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DSST ngày 28 tháng 9 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

"Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 164, 165, 166, 221, 609, 612 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 95, 99, 166 Luật Đất đai 2013; các Điều 12, 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hoa Đ về việc:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn 2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Hoa T1 về việc:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn 2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019). Cụ thể chia cho bà Ngô Thị Hoa T1 một phần thừa kế, trị giá là 3.281.416.775 đồng, và yêu cầu được chia bằng quyền sử dụng đất.

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ngô Hoàng A về việc:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn 2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019). Cụ thể chia cho ông Ngô Hoàng A một phần thừa kế, trị giá là 252.416.675 đồng (1/10 kỷ phần thừa kế thế vị của ông B1).

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Công Đ2.

Công nhận cho ông Ngô Công Đ2 có quyền sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông Ngô Công Đ2 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ

1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2.

Vị trí, diện tích, tứ cận được xác định theo với Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019, được kèm theo Bản án.

Ông Ngô Công Đ2 có trách nhiệm liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại diện tích đất, đúng với diện tích thực tế đang quản lý, sử dụng, theo quy định pháp luật đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, trách nhiệm thi hành án dân sự, và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Cùng ngày 12/10/2022, nguyên đơn bà Ngô Thị Hoa Đ kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngô Thị Hoa T1 và ông Ngô Hoàng A kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập; các đương sự yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1298/QSDĐ/0716-LA đã cấp cho ông Ngô Công Đ2 ngày 19/3/1998 đối với phần đất 2.782m^2 loại đất LUK, thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An, do ông Đ2 đang quản lý; và yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bà Ngô Thị Hoa T1 vắng mặt.

Ông Đoàn Thiện Đ1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Thị Hoa Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Đ. Ông Ngô Hoàng A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Cụ thể, ông Đ1 và Ông A đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của bà Đ, chấp nhận yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo của Ông A, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đ2, và yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này, vì cho rằng phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ T6 và cụ T7 để lại.

Bị đơn ông Ngô Công Đ2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T vẫn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Hoa Đ, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Hoàng A, đồng thời ông Đ2 giữ nguyên yêu cầu phản tố, về việc đề nghị công nhận cho ông quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể

từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Phần đất cha mẹ chia cho các con, mọi người đã sử dụng ổn định, không ai có ý kiến gì. Thửa đất số 146 ông T đã sử dụng từ trước năm 1980, đến năm 1997, ông T và bà Lê Thị N (là vợ của ông T) đã cho con trai là ông Ngô Công Đ2 sử dụng. Ông Đ2 kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Nên không có cơ sở xác định thửa đất số 146 là di sản của cha mẹ bà Đ để lại.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc chia thừa kế đối với thửa đất số 146, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ2 về việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ2, là đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ngô Thị Hoa T1 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Hoa Đ, ông Ngô Hoàng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Về những người tham gia tố tụng: Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử lần thứ hai, triệu tập hợp lệ các đương sự trong vụ án, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có văn bản ủy quyền, hoặc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, hoặc đã có các ý kiến trình bày trong hồ sơ vụ án. Những người vắng mặt này không kháng cáo, hoặc không liên quan đến việc kháng cáo, nên căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Riêng bà Ngô Thị Hoa T1 là người kháng cáo, đã được triệu tập đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T1.

[1.2]. Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị Hoa Đ và ông Ngô Hoàng A hợp lệ, nên được Hội đồng xét xử xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự:

[2.1]. Tài sản tranh chấp là diện tích đất 2.782m^2 (đo đạc thực tế là 2.245,7m^2), loại đất LUK, thuộc thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An, do ông Ngô Công Đ2 đang quản lý, sử dụng và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1298/QSDĐ/0716-LA, ngày 19/3/1998.

[2.2]. Các đương sự thống nhất trình bày: Cụ Ngô Văn T6 (chết năm 1980) và cụ Trần Thị T7 (chết năm 1996), hai cụ sinh được 06 người con, gồm: ông Ngô Văn B1, ông Ngô Văn T , bà Ngô Thị Hoa T1, bà Ngô Thị Hoa Đ, bà Ngô Thị Đ2 và ông Ngô Văn T5. Ông B1 chết năm 1977, trước khi chết có vợ là bà Lê Thị R, ông B1 và bà R có 11 người con là bà Ngô Thị Hoa L, ông Ngô Tấn T4, ông Ngô Hoàng A, bà Ngô Thị Hoa L1, bà Ngô Thị Hoa L3 (sinh năm 1966, địa chỉ: đường Quốc lộ K, khu phố Phú Nhon, Phường R, thành phố T, tên thường gọi Ngô Thị Hoa L3), bà Ngô Thị Hoa L2 (sinh năm 1966, địa chỉ: ấp TL, xã MB, huyện Đ), bà Ngô Thị Hoa L4, ông Ngô Hoàng N1, ông Ngô Thành T3, ông Ngô Trung H và ông Ngô Hoàng N2 (chết, không có vợ con). Bà Đ2 chết khi chưa có chồng, con. Ông T5 chết khi chưa có vợ, con. Ngoài ra, cụ T6 và cụ T7 không còn con nuôi, con riêng nào khác. Cụ T6 và cụ T7 chết, không để lại di chúc. Thửa đất số 146 nêu trên là tài sản do cụ T6 và cụ T7 tạo lập.

[2.3]. Bà Ngô Thị Hoa Đ cho rằng khi còn sống cụ T6 và cụ T7 đã cho bà thửa đất số 146, tuy nhiên bà không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, và không được ông Ngô Văn T và ông Ngô Công Đ2 thừa nhận. Ông Ngô Văn T cũng không có chứng cứ trực tiếp chứng minh cụ T6 và cụ T7 đã cho ông thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, ông T có quá trình sử dụng đất ổn định từ khi cụ T6 và cụ T7 còn sống. Sau đó, ông T cho con trai là ông Ngô Công Đ2 quản lý, sử dụng. Năm 1998, ông Đ2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 146, không ai có ý kiến phản đối. Lời khai của ông Ngô Văn T , ông Ngô Công Đ2 phù hợp với lời khai của những người làm chứng là con, cháu của cụ T6, cụ T7 và của những người hàng xóm kế cận với phần đất tranh chấp, về việc ông T được cha mẹ chia cho thửa đất số 146, về quá trình sử dụng đất của cha con ông T và về việc bà Đ không được chia đất ruộng (bao gồm thửa đất số 146), mà chỉ được chia đất gò.

[2.3]. Từ những phân tích trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định cụ T6 và cụ T7 đã chia thửa đất số 146 cho ông Ngô Văn T , sau đó ông T cho lại ông Ngô Công Đ2, nên thửa đất số 146 theo quy định tại Điều 612 Bộ luật dân sự năm 2015, không còn là di sản thừa kế của cụ T6 và cụ T7; đồng thời tuyên xử bác yêu cầu chia thừa kế của bà Ngô Thị Hoa Đ, Ngô Thị Hoa T1 và ông Ngô Hoàng A đối với thửa đất số 146, đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Công Đ2, về việc công nhận quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp cho ông Đ2, là có căn cứ. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo chia thừa kế đối với thửa đất số 146 của bà Ngô Thị Hoa Đ, và ông Ngô Hoàng A; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

[3]. Ý kiến của bị đơn ông Ngô Công Đ2, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn T và một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác: là có căn cứ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa: là phù hợp.

[5]. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị Hoa Đ, Ngô Thị Hoa T1 và ông Ngô Hoàng A được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm, do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; Điều 270; Điều 293; khoản 1 Điều 308; khoản 2 Điều 312; Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ngô Thị Hoa T1.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ngô Thị Hoa Đ, và ông Ngô Hoàng A.

3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 62/2022/DS-ST ngày 28-9-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về "Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là bà Ngô Thị Hoa Đ với bị đơn là ông Ngô Công Đ2 và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác.

Áp dụng các Điều 164, 165, 166, 221, 609, 612 Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 95, 99, 166 Luật Đất đai 2013.

3.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Hoa Đ về việc:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn 2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019).

3.2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Ngô Thị Hoa T1 về việc:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn 2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi

nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019). Cụ thể chia cho bà Ngô Thị Hoa T1 một phần thừa kế, trị giá là 3.281.416.775 đồng, và yêu cầu được chia bằng quyền sử dụng đất.

3.3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Ngô Hoàng A về việc:

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do UBND huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2 đối với thửa 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An.

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa 146, diện tích 2.872m^2, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ (đo đạc thực tế còn 2.245,7m^2 theo Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019). Cụ thể chia cho ông Ngô Hoàng A một phần thừa kế, trị giá là 252.416.675 đồng (1/10 kỷ phần thừa kế thế vị của ông B1).

3.4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Ngô Công Đ2.

Công nhận cho ông Ngô Công Đ2 có quyền sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An. Ông Ngô Công Đ2 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất số 146, tờ bản đồ số 12, tại xã MN, huyện Đ, tỉnh Long An, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 1298/QSDĐ/0716-LA ngày 19/3/1998, do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Ngô Công Đ2.

Vị trí, diện tích, tứ cận được xác định theo với Mảnh trích đo địa chính số 580-2019 của Công ty TNHH đo đạc nhà đất TN, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ duyệt ngày 16/8/2019, được kèm theo Bản án.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Hoa Đ, Ngô Thị Hoa T1 và ông Ngô Hoàng A được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
–Tòa án nhân dân tối cao;
– VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
– TAND tỉnh Long An (2);
– VKSND tỉnh Long An;
– Cục THADS tỉnh Long An;
– Đương sự (4);
– Lưu: HS (2), VP (5); 17b (ÁN NVC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hòa